

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06-01-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Gia Lương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Văn Bê

Ông Hoàng Văn Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 236/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/12/2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Thôn D, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang

**2. Bị đơn:** Anh Đinh Văn Lý, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi thường trú và địa chỉ cuối cùng của anh L tại Việt Nam: Số nhà X, thôn T, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ cụ thể.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh L được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 25/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh L làm dâu và chung sống

hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên sau khi kết hôn, chị và anh L đều đi làm ăn xa. Anh L đi làm nấu ăn tại Hà Nội, còn chị đi dạy học tại huyện Sơn Động. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Chị và anh L đã nhiều lần ngồi nói chuyện lại với nhau với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị và anh L xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 6 năm 2019 đến nay, chị và anh L không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống của riêng người đó. Anh L không có một lời hỏi thăm cũng như không hề có trách nhiệm với con. Năm 2020, anh L đi nước ngoài (Cộng hòa Séc) và từ đó đến nay chị không biết một thông tin bất kỳ nào về anh L. Bố mẹ đẻ anh L cũng không có một lời hỏi thăm, quan tâm đến chị và cháu A. Sau một thời gian ly thân dài và suy nghĩ rất kỹ, chị đã xác định tình cảm, mối quan hệ vợ chồng cũng không còn, không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn Lý.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là cháu Đinh Tuấn A, sinh ngày 18/10/2016. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị. Hiện tại chị đang làm giáo viên nên có thời gian và môi trường giáo dục dành cho cháu A tốt hơn chồng. Sau khi ly hôn đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, do điều kiện công việc bận chị không thể đến làm việc với Tòa án được nên chị đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc Tòa án triệu tập, vắng mặt tại tất cả các phiên tòa xét xử do Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở ra, vắng mặt tại tất cả các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*Anh Đinh Văn Lý là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.*

Tòa án đã tiến hành xác minh với mẹ đẻ của anh L là bà Hoàng Thị H, sinh năm 1961; Nơi thường trú: Số X, thôn T, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Tại biên bản làm việc ngày 21/10/2024 và ngày 01/11/2024, bà H cho biết: Anh L là con trai, chị T là con dâu bà. Anh, chị được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, được gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống với nhau hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên sau khi kết hôn, anh L, chị T đều đi làm ăn xa. Một thời gian sau thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nên chị T chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Đến năm 2020 anh L đi Cộng hòa Séc. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh, chị nói là do bất đồng quan

điểm sống. Bà đã khuyên bảo vợ chồng anh L về chung sống nhưng không đạt kết quả. Anh L và chị T có 01 con chung là cháu Đinh Tuấn A, sinh ngày 18/10/2016. Hiện tại cháu A vẫn đang sống cùng chị T và bố mẹ đẻ chị T. Đối với việc chị T xin ly hôn anh L và yêu cầu Tòa án giao con chung là cháu Đinh Tuấn A cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ chung của anh, chị thì bà không rõ.

*Theo biên bản ghi lời khai ngày 04/10/2024, cháu Đinh Tuấn A trình bày:* Cháu hiện đang sinh sống cùng mẹ và ông bà ngoại tại thôn D, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Cháu sinh sống ổn định cùng mẹ từ khi sinh ra đến nay, được mẹ và ông bà ngoại chăm sóc cẩn thận, chu đáo, tạo mọi điều kiện về vật chất và tinh thần, được sống trong môi trường giáo dục văn minh, lành mạnh, được đưa đi học đầy đủ. Bố cháu hiện đang lao động tại nước ngoài không có trách nhiệm với cháu nên nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu muốn được ở cùng mẹ và ông bà ngoại.

*Tại phiên tòa sơ thẩm,* chị Nguyễn Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đinh Văn Lý đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị T, biên bản lấy lời khai bà Hoàng Thị H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Đinh Văn Lý không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đinh Văn Lý.

Về nuôi con chung: Giao cháu Đinh Tuấn A, sinh ngày 18/10/2016 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Đinh Văn Lý và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Theo Công văn trả lời số 28344/QLXNC-P3 ngày 29/11/2024 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh L xuất cảnh ngày 10/4/2021, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định anh L hiện nay đang lao động tại nước ngoài. Mặt khác, anh L là bị đơn hiện có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về việc vắng mặt của đương sự:

Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

Đối với bị đơn anh Đinh Văn Lý: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, bà H (là mẹ anh L), Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của anh L trước khi xuất cảnh ở số nhà 20, thôn T, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh L thông qua người thân của anh L là bà Hoàng Thị H (mẹ anh L) và đề nghị bà H thông báo cho anh L biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T và bị đơn là anh Đinh Văn Lý. Bà H cho biết anh L vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh L không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh L tại nước ngoài. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày

16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn Lý kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 25/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh L phát sinh mâu thuẫn, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Đinh Văn Lý.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Đinh Văn Lý. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn một thời gian chị T và anh L chung sống với nhau không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã không thể hàn gắn được. Chị T, anh L đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay, không còn quan tâm hay liên lạc với nhau nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng chị T, anh L không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đinh Văn Lý như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[5]. Về nuôi con chung: Chị T và anh L có 01 con chung là cháu Đinh Tuấn A, sinh ngày 18/10/2016. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T, Hội đồng xét xử thấy: Anh L hiện đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài, không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Cháu A từ khi anh L đi lao động ở nước ngoài được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy, căn cứ vào điều kiện thực tế và để đảm bảo quyền, lợi ích mọi mặt của cháu A, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T. Giao cháu Đinh Tuấn A cho chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật là phù hợp quy định pháp luật và đảm bảo quyền và lợi ích của con chung cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn anh L không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp anh L về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu

cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đang ở trong nước vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Đinh Văn Lý đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đinh Văn Lý.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đinh Tuấn A, sinh ngày 18/10/2016 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn anh L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000048 ngày 04/10/2024 của Cục

Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo bản án:** Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Đinh Văn Lý có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Gia Lương**